

Xét đề nghị của Công ty Bóng đèn Điện Quang (Công văn số 78/ĐQ-TCHC ngày 07 tháng 01 năm 2005);

Theo đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 127/2004/QĐ-BCN ngày 10 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Bóng đèn Điện Quang thành Công ty cổ phần Bóng đèn Điện Quang như sau:

“1. Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 23.500.000.000 đồng (Hai ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước: 51,00%;
- Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong Công ty: 38,96%;
- Tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài Công ty: 10,04%.

Trị giá một cổ phần: 100.000 đồng.”

“3. Ưu đãi cho người lao động trong Công ty.

Tổng số cổ phần bán ưu đãi cho 559 lao động trong Công ty là 36.298 cổ phần với giá trị được ưu đãi là 1.088.940.000 đồng.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Tổng giám đốc Công ty Bóng đèn Điện Quang và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bóng đèn Điện Quang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Thứ trưởng

Bùi Xuân Khu

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 01/2005/TT-BTC
ngày 04/01/2005 hướng dẫn
chế độ thu, nộp, quản lý và sử
dụng lệ phí cấp phép, thay
đổi nội dung giấy phép, đăng
ký hoạt động trung tâm trọng
tài, đăng ký hoạt động chi
nhánh của trung tâm trọng
tài và lệ phí tòa án liên quan
đến trọng tài.

Căn cứ Nghị định số 25/2004/NĐ-CP ngày 15/01/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Trọng tài thương mại;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy

định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung giấy phép, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm trọng tài và lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài, như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng phải nộp lệ phí theo quy định của Thông tư này bao gồm:

1. Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi nội dung giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh trung tâm trọng tài phải nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động.

2. Tổ chức, cá nhân yêu cầu Tòa án chỉ định trọng tài viên, thay đổi trọng tài viên, xem xét lại quyết định của hội đồng trọng tài về thỏa thuận trọng tài, về thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của hội đồng trọng tài, áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, hủy quyết định trọng tài, kháng cáo quyết định của Tòa án phải nộp lệ phí Tòa án liên quan đến trọng tài.

II. MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LỆ PHÍ

1. Mức thu:

Căn cứ quy định tại Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 25/2004/NĐ-CP ngày 15/01/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Trọng tài thương mại, mức thu lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung giấy phép, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm trọng tài và lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài được quy định như sau:

Số thứ tự	Lệ phí	Mức thu (đồng)
I	Lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung giấy phép, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm trọng tài	
1	Cấp giấy phép thành lập trung tâm trọng tài	500.000
2	Thay đổi nội dung giấy phép thành lập	100.000
3	Đăng ký hoạt động của trung tâm trọng tài	200.000
4	Đăng ký hoạt động chi nhánh	100.000

Số thứ tự	Lệ phí	Mức thu (đồng)
II	Lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài	
1	Yêu cầu Tòa án chỉ định trọng tài viên, thay đổi trọng tài viên	100.000
2	Yêu cầu Tòa án xem xét lại quyết định của hội đồng trọng tài về thỏa thuận trọng tài, về thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của hội đồng trọng tài	300.000
3	Yêu cầu Tòa án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	500.000
4	Yêu cầu Tòa án hủy quyết định trọng tài	500.000
5	Kháng cáo quyết định của Tòa án	300.000

2. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng:

a) Đối tượng nộp lệ phí phải nộp đủ một lần số tiền lệ phí quy định tại điểm 1 mục này khi nộp hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi nội dung giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh trung tâm trọng tài hoặc khi gửi đơn yêu cầu Tòa án chỉ định trọng tài viên, thay đổi trọng tài viên, xem xét lại quyết định của hội đồng trọng tài về thỏa thuận trọng tài, về thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của hội đồng trọng tài, áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, hủy quyết định trọng tài, kháng cáo quyết định của Tòa án.

b) Cơ quan thu lệ phí:

- Cơ quan thu lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung giấy phép, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm trọng tài là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm

trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh trung tâm trọng tài;

- Cơ quan thu lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài là Tòa án nơi đối tượng nộp lệ phí gửi đơn yêu cầu Tòa án chỉ định trọng tài viên, thay đổi trọng tài viên, xem xét lại quyết định của hội đồng trọng tài về thỏa thuận trọng tài, về thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của hội đồng trọng tài, áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, hủy quyết định trọng tài, kháng cáo quyết định của Tòa án.

- Khi thu tiền lệ phí, cơ quan thu phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp lệ phí theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

c) Lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung giấy phép, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm trọng tài và lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài là khoản thu

thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

- Cơ quan thu lệ phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước như sau:

+ Đối với lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung giấy phép, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm trọng tài hạch toán vào chương, loại, khoản tương ứng, mục 047, tiểu mục 29 của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

+ Đối với lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài hạch toán vào chương, loại, khoản tương ứng, mục 045, tiểu mục 07 của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

- Kinh phí cho hoạt động thu lệ phí được ngân sách nhà nước bảo đảm theo dự toán hàng năm.

d) Việc lập, chấp hành, kế toán, quyết toán số thu, chi lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung giấy phép, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm trọng tài và lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Pháp lệnh Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các vấn đề khác liên quan đến việc thu, nộp,

quản lý và sử dụng lệ phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

THÔNG TƯ số 02/2005/TT-BTC
ngày 06/01/2005 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14/12/2004 của Ban Bí thư về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Tổ chức Trung ương tại Công văn số